

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/DS-ST
Ngày: 19-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Năm.
2. Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp 4, xã MP, huyện TT, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Ông Đỗ Thành Nh, sinh năm 1960 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp 4, xã MP, huyện TT, tỉnh Long An.

(Bà L, bà Đ có mặt, ông Nh vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Bà L hiện sống độc thân. Bà L và bà Trần Thị Đ, ông Đỗ Thành Nh là hàng xóm với nhau.

Bà L có làm chủ hội và có rủ các chị em trong xóm tham gia chơi hội để góp vốn làm ăn, hội rủ ăn huê hồng, ông Đỗ Thành Nh và vợ là bà Trần Thị Đ có tham gia các phần hội như sau:

Dây hội thứ nhất, trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng), mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu tiên vào ngày 05/9/2016 (âm lịch), tổng cộng 58 phần, ông Nh và bà Đ tham gia một phần rưỡi:

Phần thứ 01 đóng được 08 kỳ, và hót ở kỳ thứ 09 tương ứng ngày 05/5/2017, bỏ giá hót là 805.000đ (Tám trăm lẻ năm ngàn đồng), hội viên đóng lại giá tiền là 1.195.000đ (Một triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng), hót được tất cả với số tiền 73.555.000đ (Bảy mươi ba triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng) đã trừ huê hồng. Hót hội xong bà Đ phải đóng hội chết mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đóng đến ngày 15/9/2020 thì ngưng tương ứng với kỳ hội thứ 50, hội 58 phần bỏ bà Đ (người hót) 01 phần còn lại 57 phần, bà Đ đóng được 50 phần, mãi hội ngày 15/04/2021 còn thiếu lại bà L 07 phần với số tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Bà L đã đóng thay cho bà Đ 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

- Còn phần thứ 02 (nửa phần) đóng được 34 kỳ, đến ngày 05/9/2019 bà Đ hót, bỏ hội giá 650.000đ, hội viên đóng 1.350.000đ tương ứng với kỳ hội thứ 35. Hội tổng 58 phần do bà N bề nọ bỏ đi nên hội viên đồng ý bỏ bà N ra 03 phần không gom còn lại 55 phần, bà Đ hót được 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng), đã trừ tiền huê hồng, bà Đ đóng hội chết đến ngày 15/9/2020 thì ngưng tương ứng với kỳ hội thứ 48, mãi hội là ngày 15/04/2021 bà Đ còn thiếu lại 07 tháng hội, tương ứng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Bà L đã đóng thay cho bà Đ 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Như vậy trong dây hội này bà Đ và ông Nh còn thiếu bà L tổng cộng là 21.000.000đ do bà L đã bỏ tiền đóng thay.

Dây hội thứ hai, trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng), mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu tiên vào ngày 25/02/2017 (âm lịch), tổng cộng 57 phần, ông Nh và bà Đ tham gia 02 phần:

Trong phần hội này do bà N bề nọ, bỏ đi nên bỏ ra 03 phần còn lại 54 phần, có sự đồng ý của hội viên.

- Phần thứ 01 đóng được 18 kỳ và hót hội vào kỳ thứ 19 tương ứng ngày 25/7/2018, bà Đ bỏ hội giá 670.000đ (Sáu trăm bảy mươi ngàn đồng), hội viên đóng lại 1.330.000đ/người. Hót được số tiền tất cả là 81.550.000đ (Tám mươi một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), đã trừ tiền huê hồng, bà Đ đóng hội chết cho đến ngày 05/9/2020 là ngưng, tương ứng với kỳ hội thứ 42, hội mãi vào ngày

05/9/2021. Như vậy bà Đ còn thiếu lại 12 tháng tương ứng với số tiền là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), bà L đã đóng thay cho bà Đ 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Phần thứ 02 đóng được 29 kỳ đến kỳ thứ 30 tương ứng ngày 25/8/2019, bà Đ bỏ hội giá 580.000đ (Năm trăm tám mươi ngàn đồng), hội viên đóng lại 1.420.000đ/người, số tiền hót là 91.080.000đ (Chín mươi một triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) đã trừ huê hồng. Hót hội xong bà Đ đóng hội chết đến ngày 05/9/2020 thì ngưng tương ứng kỳ hội thứ 42, hội mãi vào ngày 05/9/2021. Như vậy, bà Đ còn thiếu lại 12 tháng tương ứng với số tiền là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), bà L đã đóng thay cho bà Đ 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Do bà Đ có đóng dư cho bà L tháng trước 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) nên còn nợ lại là 23.400.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Như vậy, tổng cộng ông Nh và bà Đ thiếu bà L số tiền hội là 68.400.000đ (Sáu mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Ngày 15/02/2023, bà Đ có trả cho bà L 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) trừ ra còn thiếu lại tất cả là 66.900.000đ (Sáu mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng).

Nhiều lần bà L đến nhà gom hội, yêu cầu ông Nh và bà Đ đóng tiền hội cho bà L nhưng ông bà không đóng hên lần hên lượt cho đến nay không đóng cho bà L.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xem xét giải quyết buộc ông Đỗ Thành Nh và bà Trần Thị Đ liên đới trả cho bà Đỗ Thị L một lần một số tiền hội là 66.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà L không đồng ý cho bà Đ, ông Nh trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà Đ thừa nhận có tham gia chơi hội do bà L làm chủ như bà L trình bày nêu trên là đúng, bà Đ tham gia chơi hội và hót hội về để lo cho con cái và trang trải sinh hoạt trong gia đình. Bà Đ thừa nhận hiện còn nợ bà L số tiền hội 66.900.000 đồng, tuy nhiên hiện nay bà Đ không có khả năng thanh toán một lần một cho bà L số tiền nợ hội 66.900.000 đồng, bà Đ xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nói trên. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2023, ông Đỗ Thành Nh trình bày: Ông Nh là chồng bà Đ, hiện quan hệ hôn nhân vẫn còn tồn tại. Ông không nắm rõ việc chơi hội giữa bà Đ và bà L như thế nào, việc chơi hội do bà Đ đứng ra chơi, bà Đ hót hội về thì cũng lo cho gia đình, lo cho con cái chứ không ăn xài gì riêng. Nay bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Thành Nh và bà Trần Thị Đ liên đới trả cho

bà Đỗ Thị L một lần một số tiền hụi là 66.900.000 đồng thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời ông có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Kim Loan – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Trần Thị Đ và ông Đỗ Thành Nh phải liên đới hoàn trả một lần số tiền hụi là 66.900.000 đồng cho bà Đỗ Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Thành Nh, bà Trần Thị Đ có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền hụi là 66.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông Đỗ Thành Nh, bà Trần Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại xã MP, huyện TT, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng hòa giải không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa vắng mặt ông Đỗ Thành Nh nhưng ông Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông Nh là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Thành Nh, bà Trần Thị Đ có trách nhiệm liên đới hoàn trả tổng số tiền hụi còn nợ là 66.900.000 đồng.

Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Đỗ Thị L và bà Trần Thị Đ trình bày thống nhất bà Đ có tham gia chơi 02 dây hụi do bà L làm chủ thảo:

Dây hụi thứ nhất, khai ngày đầu tiên là ngày 05/9/2016 (âm lịch), hụi giá 2.000.000 đồng/phần, dây hụi có tổng 58 phần, hụi mỗi tháng khai một lần, hụi huê hồng, bà Đ, ông Nh tham gia chơi 1,5 phần. Trong dây hụi này bà Đ hốt phần hụi thứ nhất ở kỳ thứ 09 được số tiền 73.555.000 đồng, sau đó bà Đ đóng hụi đến kỳ khai thứ 50 thì ngưng, bà L đã đóng thay 07 kỳ hụi, mỗi kỳ 2.000.000 đồng tương ứng số tiền 14.000.000 đồng. Nửa phần còn lại bà Đ hốt ở kỳ thứ 35 được số tiền 47.000.000 đồng, sau đó bà Đ đóng hụi chết đến kỳ thứ 48 thì ngưng, bà L đã bỏ tiền ra đóng thay cho bà Đ, ông Nh 07 kỳ (do trừ 03 phần do có một hụi viên bỏ đi, hụi còn 55 phần), mỗi kỳ 1.000.000 đồng tương ứng số tiền 7.000.000 đồng. Hiện nay dây hụi này đã mãn, do đó bà L yêu cầu bà Đ và ông Nh có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền hụi mà bà L đã đóng thay là 21.000.000 đồng (07 kỳ x 2.000.000đ/kỳ và 07 kỳ x 1.000.000đ/kỳ).

Dây hụi thứ hai, khai ngày đầu tiên là ngày 25/02/2017 (âm lịch), hụi giá 2.000.000 đồng/phần, dây hụi có tổng 57 phần, hụi mỗi tháng khai một lần, hụi huê hồng, bà Đ, ông Nh tham gia chơi 02 phần. Trong dây hụi này bà Đ hốt phần hụi thứ nhất ở kỳ thứ 19 được số tiền 81.550.000 đồng, sau đó bà Đ đóng hụi chết đến kỳ thứ 42 thì ngưng, bà L đã bỏ tiền ra đóng thay 12 kỳ hụi, mỗi kỳ 2.000.000 đồng tương ứng số tiền 24.000.000 đồng. Phần hụi còn lại bà Đ hốt ở kỳ thứ 30 được số tiền 91.080.000 đồng, sau đó bà Đ đóng hụi đến kỳ khai thứ 42 thì ngưng, bà L đã bỏ tiền ra đóng thay 12 kỳ, mỗi kỳ 2.000.000 đồng tương ứng số tiền 24.000.000 đồng. Hiện nay dây hụi này đã mãn, do đó bà L yêu cầu bà Đ và ông Nh có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền hụi mà bà L đã đóng thay là 48.000.000 đồng (12 kỳ x 2.000.000đ/kỳ x 02 phần).

Bà Đ có trả được cho bà L tổng số tiền hụi là 2.100.000 đồng, hiện còn nợ tiền hụi bà L là 66.900.000 đồng.

Bà Trần Thị Đ thừa nhận còn nợ bà L 66.900.000 đồng tiền hụi chưa đóng và đồng ý trả cho bà Đỗ Thị L số tiền hụi này nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 66.900.000 đồng, bà Trần Thị Đ trình bày số tiền hốt hụi bà Đ mang về chi tiêu trong gia đình, ông Đỗ Thành Nh trình bày không rõ việc bà Đ chơi hụi như thế nào nhưng khi bà Đ hốt hụi về thì để chi tiêu trong gia đình, lo cho con cái, ông Nh đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bà Đỗ Thị L không đồng ý cho bà Đ, ông Nh trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 66.900.000 đồng, đồng thời theo quy định của pháp luật không có quy định cho trả dần.

Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hộ, hụi, biêu, phường của Chính phủ thì “Nghĩa vụ của thành viên: Tiếp tục góp các phần hộ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hộ trong trường hợp đã lĩnh hộ trước thành viên khác” và khoản 1, Điều 24: Trách nhiệm của thành viên không góp phần hộ: Trường hợp đến kỳ mở hộ mà có thành viên không góp phần hộ hoặc góp phần hộ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ hộ như sau: 1. Hoàn trả số tiền mà chủ hộ đã

góp thay cho thành viên”

Do đó căn cứ vào Điều 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc bà Trần Thị Đ và ông Đỗ Thành Nh có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền hui 66.900.000 đồng.

Bà Đỗ Thị L không yêu cầu tính lãi nên không đề cập đến.

Lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Thành Nh, bà Trần Thị Đ thuộc trường hợp được miễn nộp án phí Tòa án và có Đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nh, bà Đ theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Do bà Đỗ Thị L thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí Tòa án và có Đơn xin miễn nộp cho nên không thực hiện việc hoàn lại tạm ứng án phí cho bà L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” đối với ông Đỗ Thành Nh, bà Trần Thị Đ.

Buộc ông Đỗ Thành Nh, bà Trần Thị Đ có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền hui là 66.900.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Đỗ Thị L, bà Trần Thị Đ có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/5/2023). Ông Đỗ Thành Nh vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện TT,
- Chi cục THA huyện TT,
- Các đương sự,
- Lưu HS,
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đức Quân

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 12 tháng 9 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Phạm Quốc Tuấn

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị L, sinh năm: 1961

Địa chỉ: số 132 Liên khu 5-6 phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Minh Tâm, sinh năm: 1965

Địa chỉ: 125/75 Bùi Đình Túy phường 24 quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh

Văn bản ủy quyền ngày: 08/01/2022 (vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Đỗ Thành Nh, bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp Bà Mía xã Mỹ Lạc huyện TT tỉnh Long An (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp Bà Mía xã Mỹ Lạc huyện TT tỉnh Long An (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, **Điều 147**, Điều 227, **266, 267, 271, 273** của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; **khoản 2 Điều 26** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với ông Đỗ Thành Nh, bà Trần Thị Đ.

Buộc ông Đỗ Thành Nh, bà Trần Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền vay 206.720.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng) và tiền lãi 39.291.256 đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng), tổng cộng số tiền 246.011.256 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm mười một ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đỗ Thành Nh, bà Trần Thị Đ phải nộp 12.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 12 tháng 9 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Năm

Phạm Quốc Tuấn

Ngô Thị Thùy Diễm

